|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case number | UC2-1 | | |
| Use Case name | Đặt phòng | | |
| Actor(s): | Lễ tân | | |
| Maturity: | Filled/Focused | | |
| Summary | Khi khách tới đặt phòng, lễ tân cần sử dụng chức năng đặt phòng để thực hiện đặt phòng cho khách | | |
| Basic course of events | Actor action | | System action |
| 1-Lễ tân chọn chức năng đặt phòng  Chọn hình thức đặt phòng  {hình thức đặt phòng} | |  |
|  | | 2-Hệ thống hiển thị form đặt phòng |
| 3-Lễ tân nhập thông tin khách hàng và thông tin đặt phòng | |  |
|  | | 4-Hệ thống tìm kiểm tra thông tin đặt phòng theo quy định  E1 |
|  | | 5-Hệ thống tìm kiếm thông tin phòng trống trong khoảng thời gian nhận phòng, trả phòng của khách hàng và hiển thị danh sách phòng  A1 |
| 6-Lễ tân chọn phòng theo yêu cầu của khách | |  |
|  | | 7-Hệ thống lưu lại thông tin phòng đặt, tính toán tiền cọc mà khách phải trả trước |
| 8-Lễ tân xác nhận đặt phòng  A2 | |  |
|  | | Hệ thống lưu lại thông tin đặt phòng  Kết thúc use case |
| Alternative Paths  (Luồng phụ) | A1- Trường hợp không tìm được phòng trống thỏa yêu cầu, hiển thị thông báo “Không có phòng trống thỏa yêu cầu của bạn”  Use case kết thúc  A2-Không xác nhận thông tin đặt phòng, lễ tân chọn “Hủy”. Thông tin đặt phòng không lưu lại  Use case kết thúc | | |
| Exception Paths  (Luồng ngoại lệ) | E1- Thông tin đặt không đúng quy định hiện thị thông báo “Thông tin đặt phòng không hợp lệ” và quay lại bước 2 | | |
| Extension Points | {hình thức đặt phòng}  Đặt phòng trước:   * Ngày nhận phòng > Ngày lập phiếu đặt phòng * Khách sẽ thanh toán Tiền đặt cọc (Tiền đặt cọc = Tổng tiền phòng\*0,5) * Trạng thái phiếu đặt phòng sau khi lưu là “Đợi nhận phòng”   Đặt phòng nhận trực tiếp:   * Ngày nhận phòng là Ngày lập phiếu đặt phòng * Khách không phải thanh toán Tiền đặt cọc (Tiền đặt cọc = 0) * Trạng thái phiếu đặt phòng sau khi lưu là “Đã nhận phòng” | | |
| Trigger: | Lễ tân chọn chức năng “Đặt phòng” | | |
| Assumption | Không có | | |
| Precondition | Để thực hiện đặt phòng, lễ tân phải đăng nhập vào hệ thống | | |
| Post condition | Không có | | |
| Reference: Bussiness Rules | Không có | | |
| Reference: Risks | Không có | | |
| Activity Diagram (Sơ đồ hoạt động) | | | |
| Author(s) | | Trần Thị Thanh Nhàn | |
| Date | | 4/11/2020 | |